

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 944/QĐ-GDDT

Cần Giờ, ngày 28 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước
kinh phí sự nghiệp giáo dục năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về thành lập Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện;

Căn cứ Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ;

Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về giao bổ sung và điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước các đơn vị hành chính sự nghiệp năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về điều chỉnh và giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước các đơn vị hành chính sự nghiệp năm 2023;

Căn cứ Thông báo số 4009/TB-TCKH ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện về thẩm tra điều chỉnh và giao bổ dự toán kinh phí sự nghiệp ngành giáo dục năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước ngành giáo dục năm 2023 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo với số tiền cụ thể như sau:

- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ: 913.471.000 đồng
- Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ: 831.185.756 đồng (kinh phí phổ cập bơi lội, kinh phí chi hỗ trợ chính sách theo Nghị quyết 01/NQ-HĐND và Nghị quyết 04/NQ-HĐND)

Tổng cộng: 1.744.656.756 đồng

(Một tỷ bảy trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi sáu đồng).

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán điều chỉnh, bổ sung chi ngân sách nhà nước năm 2023 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch Cần Giờ;
- Kho bạc Nhà nước Cần Giờ;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Bộ phận kế toán P.GDĐT;
- Lưu: VT, AT.



Võ Thị Diễm Phượng

PHỤ LỤC SỐ 01

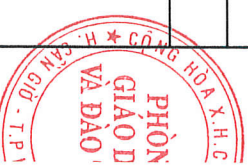
BẢNG PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN CẦN GIỜ

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-GDDĐT ngày .../.../2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)



Đơn vị tính: đồng

		PHẦN CHI DO NSNN CẤP										GHI CHÚ
Chương, loại, khoản.	NỘI DUNG	Tổng cộng	Kinh phí tự chủ				Kinh phí không tự chủ					
			Cộng	Chi thường xuyên (mã nguồn 13)	Mã nguồn 14 - kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên trích lập nguồn CCTL	Cộng	Mã nguồn 15	Mã nguồn 14				
									1	2	3	
1	2	6	7	8	10	11	12	13	14			
622.070.071	Trường MN Thanh An	269.930.000	180.574.000	180.574.000	0	89.356.000	89.356.000	0				
622.070.071	Trường MN Cần Thạnh	28.908.000	-47.550.000	-47.550.000	0	76.458.000	76.458.000	0				
622.070.071	Trường MN Cần Thạnh 2	254.661.000	198.210.000	198.210.000	0	56.451.000	56.451.000	0				
622.070.071	Trường MN Long Hòa	-88.888.000	-171.959.000	-171.959.000	0	83.071.000	83.071.000	0				
622.070.071	Trường MN Đồng Tranh	-13.766.000	-38.587.000	-38.587.000	0	24.821.000	24.821.000	0				
622.070.071	Trường MN Dơi lâu	191.011.000	26.772.000	26.772.000	0	164.239.000	164.239.000	0				
622.070.071	Trường MN Lý Nhơn	-165.459.000	-149.247.000	-149.247.000	0	-16.212.000	-16.212.000	0				
622.070.071	Trường MN An Thới Đông	43.109.000	-42.263.000	-42.263.000	0	85.372.000	85.372.000	0				
622.070.071	Trường MN Tam Thôn Hiệp	-16.772.000	-39.978.000	-39.978.000	0	23.206.000	23.206.000	0				
622.070.071	Trường MN Bình Khánh	-56.785.244	-209.303.000	-209.303.000	0	152.517.756	152.517.756	0				
622.070.071	Trường MN Bình An	74.266.000	-4.200.000	-4.200.000	0	78.466.000	78.466.000	0				
	Cộng 071	520.214.756	-297.531.000	-297.531.000	0	817.745.756	817.745.756	0				



Chương, loại, khoản.	NỘI DUNG	PHÂN CHI DO NSNN CẤP							GHI CHÚ
		Tổng cộng	Kinh phí tự chủ			Kinh phí không tự chủ			
			Cộng	Chi thường xuyên (mã nguồn 13)	Mã nguồn 14 - kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên trích lập nguồn CCTL	Cộng	Mã nguồn 15	Mã nguồn 14	
622.070.072	Trường TH Thạnh An	52.149.000	52.149.000	52.149.000		0	0	0	
622.070.072	Trường TH Cần Thạnh	-247.364.000	-247.364.000	-247.364.000		0	0	0	
622.070.072	Trường TH Cần Thạnh 2	186.505.000	186.505.000	186.505.000		0	0	0	
622.070.072	Trường TH Hòa Hiệp	51.000	-13.389.000	-13.389.000		0	13.440.000	13.440.000	0
622.070.072	Trường TH Long Thạnh	58.594.000	58.594.000	58.594.000		0	0	0	
622.070.072	Trường TH Đồng Hòa	-19.267.000	-19.267.000	-19.267.000		0	0	0	
622.070.072	Trường TH Doi Lầu	-155.295.000	-155.295.000	-155.295.000		0	0	0	
622.070.072	Trường TH Vàm Sát	90.514.000	90.514.000	90.514.000		0	0	0	
622.070.072	Trường TH Lý Nhơn	40.649.000	40.649.000	40.649.000		0	0	0	
622.070.072	Trường TH An Thới Đông	103.745.000	103.745.000	103.745.000		0	0	0	
622.070.072	Trường TH An Nghĩa	-56.577.000	-56.577.000	-56.577.000		0	0	0	
622.070.072	Trường TH Tam Thôn Hiệp	436.547.000	436.547.000	436.547.000		0	0	0	
622.070.072	Trường TH Bình Thạnh	76.346.000	76.346.000	76.346.000		0	0	0	
622.070.072	Trường TH Bình Phước	134.347.000	134.347.000	134.347.000		0	0	0	
622.070.072	Trường TH Bình Khánh	-333.773.000	-333.773.000	-333.773.000		0	0	0	
622.070.072	Trường TH Bình Mỹ	20.351.000	20.351.000	20.351.000		0	0	0	
622.070.072	Trường CB Cần Thạnh	189.219.000	189.219.000	189.219.000		0	0	0	

PHẦN CHI DO NSNN CẤP

PHẦN CHI DO NSNN CẤP										GHI CHÚ
Chương, loại, khoản.	NỘI DUNG	Tổng cộng	Kinh phí tự chủ				Kinh phí không tự chủ			
			Cộng	Chi thường xuyên (mã nguồn 13)	Mã nguồn 14 - kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên trích lập nguồn CCTL	Cộng	Mã nguồn 15	Mã nguồn 14		
	Cộng 072	576.741.000	563.301.000	563.301.000	0	13.440.000	13.440.000	0		
622.070.073	Trường THCS Cấn Thanh	94.540.000	94.540.000	94.540.000	0	0	0	0		
622.070.073	Trường THCS Long Hòa	268.754.000	268.754.000	268.754.000	0	0	0	0		
622.070.073	Trường THCS Doi Lầu	295.409.000	295.409.000	295.409.000	0	0	0	0		
622.070.073	Trường THCS Lý Nhơn	151.589.000	151.589.000	151.589.000	0	0	0	0		
622.070.073	Trường THCS An Thới Đông	-75.016.000	-75.016.000	-75.016.000	0	0	0	0		
622.070.073	Trường THCS Tam Thôn Hiệp	26.562.000	26.562.000	26.562.000	0	0	0	0		
622.070.073	Trường THCS Bình Khánh	-114.137.000	-114.137.000	-114.137.000	0	0	0	0		
	Cộng 073	647.701.000	647.701.000	647.701.000	0	0	0	0		
	Tổng cộng	1.744.656.756	913.471.000	913.471.000	0	831.185.756	831.185.756	0		





PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON THẠNH AN
Mã số ĐVSDNS: 1035487

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn	NỘI DUNG	Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	269.930.000	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	180.574.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	180.574.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	89.356.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	89.356.000	Kinh phí chi thực hiện hỗ trợ chính sách theo Nghị quyết 01/NQ-HĐND và Nghị quyết 04/NQ-HĐND
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON CẦN THẠNH
Mã số ĐVSDNS: 1035515

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn	NỘI DUNG	Tổng số	Ghi chú
		II- Dự toán chi NSNN	28.908.000	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	-47.550.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	-47.550.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	76.458.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	76.458.000	Kinh phí chi thực hiện hỗ trợ chính sách theo Nghị quyết 01/NQ-HĐND và Nghị quyết 04/NQ-HĐND
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON CẦN THẠNH 2
Mã số ĐVSDNS: 1035513

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	254.661.000	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	198.210.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	198.210.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	56.451.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	56.451.000	Kinh phí chi thực hiện hỗ trợ chính sách theo Nghị quyết 01/NQ-HĐND và Nghị quyết 04/NQ-HĐND
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON LONG HÒA

Mã số ĐVSDNS: 1035437

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	-88.888.000	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	-171.959.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	-171.959.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	83.071.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	83.071.000	Kinh phí chi thực hiện hỗ trợ chính sách theo Nghị quyết 01/NQ-HĐND và Nghị quyết 04/NQ-HĐND
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON ĐỒNG TRANH
Mã số ĐVSDNS: 1124815

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	-13.766.000	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	-38.587.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	-38.587.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	24.821.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	24.821.000	Kinh phí chi thực hiện hỗ trợ chính sách theo Nghị quyết 01/NQ-HĐND và Nghị quyết 04/NQ-HĐND
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON ĐOI LẦU

Mã số ĐVSDNS: 1110159

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	191.011.000	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	26.772.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	26.772.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	164.239.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	164.239.000	Kinh phí chi thực hiện hỗ trợ chính sách theo Nghị quyết 01/NQ-HĐND và Nghị quyết 04/NQ-HĐND
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON LÝ NHƠN
Mã số ĐVSDNS: 1035489

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	-165.459.000	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	-149.247.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	-149.247.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	-16.212.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	-16.212.000	Kinh phí chi thực hiện hỗ trợ chính sách theo Nghị quyết 01/NQ-HĐND và Nghị quyết 04/NQ-HĐND
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON AN THỜI ĐÔNG
Mã số ĐVSDNS: 1036948

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	43.109.000	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	-42.263.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	-42.263.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	85.372.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	85.372.000	Kinh phí chi thực hiện hỗ trợ chính sách theo Nghị quyết 01/NQ-HĐND và Nghị quyết 04/NQ-HĐND
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON TAM THÔN HIỆP

Mã số ĐVSDNS: 1035490

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	-16.772.000	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	-39.978.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	-39.978.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	23.206.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	23.206.000	Kinh phí chi thực hiện hỗ trợ chính sách theo Nghị quyết 01/NQ-HĐND và Nghị quyết 04/NQ-HĐND
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON BÌNH KHÁNH

Mã số ĐVSDNS: 1035510

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	-56.785.244	
622.070.071		Kinh phí thực hiện tự chủ	-209.303.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	-209.303.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	152.517.756	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	152.517.756	Kinh phí chi thực hiện hỗ trợ chính sách theo Nghị quyết 01/NQ-HĐND và Nghị quyết 04/NQ-HĐND
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON BÌNH AN
Mã số ĐVSDNS: 1110357

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	74.266.000	
622.070.071	0	Kinh phí thực hiện tự chủ	-4.200.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	-4.200.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	78.466.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	78.466.000	Kinh phí chi thực hiện hỗ trợ chính sách theo Nghị quyết 01/NQ-HĐND và Nghị quyết 04/NQ-HĐND
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC THẠNH AN
Mã số ĐVSDNS: 1036947

Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	52.149.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	52.149.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	52.149.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC CẦN THẠNH
Mã số ĐVSDNS: 1035517

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	-247.364.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	-247.364.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	-247.364.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC CẦN THẠNH 2

Mã số ĐVSDNS: 1127076

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	186.505.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	186.505.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	186.505.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC HÒA HIỆP

Mã số ĐVSDNS: 1035485

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	51.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	-13.389.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	-13.389.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	13.440.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	13.440.000	kinh phí phổ cập bơi lội
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC LONG THẠNH
Mã số ĐVSDNS: 1035486

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	58.594.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	58.594.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	58.594.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐỒNG HÒA
Mã số ĐVSDNS: 1035438

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	-19.267.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	-19.267.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	-19.267.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐOI LẦU

Mã số ĐVSDNS: 1035429

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	-155.295.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	-155.295.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	-155.295.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀM SÁT
Mã số ĐVSDNS: 1035436

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	90.514.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	90.514.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	90.514.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ NHƠN
Mã số ĐVSDNS: 1035491

Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	40.649.000	0
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	40.649.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	40.649.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THỚI ĐÔNG
Mã số ĐVSDNS: 1035564

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	103.745.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	103.745.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	103.745.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC AN NGHĨA
Mã số ĐVSDNS: 1035435

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	-56.577.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	-56.577.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	-56.577.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC TAM THÔN HIỆP
Mã số ĐVSDNS: 1035492

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	436.547.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	436.547.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	436.547.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH THẠNH

Mã số ĐVSDNS: 1035484

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	76.346.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	76.346.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	76.346.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH PHƯỚC

Mã số ĐVSDNS: 1035434

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	134.347.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	134.347.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	134.347.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH KHÁNH

Mã số ĐVSDNS: 1035519

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	-333.773.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	-333.773.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	-333.773.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH MỸ
Mã số ĐVSDNS: 1035439

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	20.351.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	20.351.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	20.351.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT CẦN THẠNH

Mã số ĐVSDNS: 1086748

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	189.219.000	
622.070.072		Kinh phí thực hiện tự chủ	189.219.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	189.219.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG THCS CẦN THẠNH

Mã số ĐVSDNS: 1035431

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	94.540.000	
622.070.073		Kinh phí thực hiện tự chủ	94.540.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	94.540.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG THCS LONG HÒA

Mã số ĐVSDNS: 1035518

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	268.754.000	
622.070.073		Kinh phí thực hiện tự chủ	268.754.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	268.754.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG THCS ĐOI LẦU
Mã số ĐVSDNS: 1030029

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	295.409.000	
622.070.073		Kinh phí thực hiện tự chủ	295.409.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	295.409.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023

Đơn vị: TRƯỜNG THCS LÝ NHƠN

Mã số ĐVSDNS: 1035493

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	151.589.000	
622.070.073		Kinh phí thực hiện tự chủ	151.589.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	151.589.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG THCS AN THỚI ĐÔNG
Mã số ĐVSDNS: 1035516

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giỏi)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	-75.016.000	
622.070.073		Kinh phí thực hiện tự chủ	-75.016.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	-75.016.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG THCS TAM THÔN HIỆP
Mã số ĐVSDNS: 1035495

Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giò)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	26.562.000	
622.070.073		Kinh phí thực hiện tự chủ	26.562.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	26.562.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2023
Đơn vị: TRƯỜNG THCS BÌNH KHÁNH
Mã số ĐVSDNS: 1035430

(Kèm theo quyết định số 944/QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại, Khoản	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	-114.137.000	
622.070.073		Kinh phí thực hiện tự chủ	-114.137.000	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên	-114.137.000	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.073		Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	0	
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

